

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Ông Trần Ngọc Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Long Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh TCD; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Thái Bình - Có mặt.

- Bị đơn: Chị DTMH; địa chỉ: Số 04/59 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29-8-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh TCD trình bày:

Anh TCD và chị DTMH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng

theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138/2011, ngày 29-12-2011. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không quan tâm, yêu thương nhau. Mặc dù hai bên đã tự hòa giải mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả. Giữa anh TCD và chị DTMH đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên anh TCD đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh TCD được ly hôn với chị DTMH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh TCD và chị DTMH có 02 con chung là G, sinh ngày 05-12-2011 và H, sinh ngày 10-3-2015. Hiện tại, 02 cháu G và H do anh TCD đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh TCD đề nghị Tòa án giao 02 cháu G và H cho anh TCD trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh TCD và chị DTMH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh TCD không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là chị DTMH không hợp tác, không đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về việc đăng tin, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho chị DTMH. Tuy nhiên, chị DTMH không đến Tòa án làm việc, không lấy được lời khai, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh TCD.

Tại Biên bản xác minh ngày 12-01-2022, Công an phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xác nhận: Anh TCD; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Thái Bình và chị DTMH; nơi cư trú: Số 04/59 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng có chung sống với nhau tại địa chỉ số 04/59 đường D, phường E, quận F. Từ tháng 7 năm 2020 đến nay, anh TCD không còn chung sống với chị DTMH tại địa chỉ nêu trên. Chị DTMH hiện nay không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên, đi đâu, làm gì không rõ.

Tại Biên bản xác minh ngày 12-01-2022, Tổ dân phố D 3, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng xác nhận: Anh TCD và chị DTMH kết hôn từ năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F. Sau khi kết hôn, anh TCD và chị DTMH chung sống với nhau tại địa chỉ số 04/59 đường D, phường E, quận F. Quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, từ tháng 7 năm 2020 đến nay, anh TCD không còn sống tại địa chỉ trên. Từ tháng 6 năm 2021 đến nay, chị DTMH không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên, đi đâu, làm gì, tổ dân phố không nắm được.

Tại Đơn đề nghị ngày 22-10-2021, cháu G đề nghị được ở với anh TCD sau khi anh TCD và chị DTMH ly hôn.

Tại Đơn đề nghị ngày 31-3-2022, cháu H đề nghị được ở với anh TCD sau khi anh TCD và chị DTMH ly hôn.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh TCD và chị DTMH xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138/2011, ngày 29-12-2011, nên hôn nhân giữa anh TCD và chị DTMH là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không quan tâm, yêu thương nhau. Mặc dù hai bên đã tự hòa giải mâu thuẫn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh TCD và chị DTMH đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Trần Công TCD được ly hôn với chị DTMH.

Về con chung: Giao 02 con chung là G, sinh ngày 05-12-2011 và H, sinh ngày 10-3-2015 cho anh TCD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 02 con chung là G và H trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh TCD không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh TCD không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh TCD phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện và Biên bản xác minh ngày 12-01-2022 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng tại Tổ dân phố D 3, phường E và Công an phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị DTMH cư trú tại số 04/59 đường D, phường E, quận F, thành phố Hải Phòng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là anh TCD với bị đơn là chị DTMH thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là chị DTMH mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị DTMH.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân : Anh TCD và chị DTMH kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, quận F, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138/2011, ngày 29-12-2011, nên quan hệ hôn nhân giữa anh TCD và chị DTMH là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Anh TCD cho rằng quá trình chung sống, giữa anh TCD và chị DTMH phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không quan tâm, yêu thương nhau. Mặc dù hai bên đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không có kết quả. Giữa anh TCD và chị DTMH sống ly thân từ năm tháng 7 2020 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Do vậy, anh TCD làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị DTMH theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về việc đăng tin; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công

khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho chị DTMH. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng chị DTMH không tới Tòa án làm việc, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh TCD. Điều đó thể hiện việc chị DTMH không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh TCD và chị DTMH không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh TCD yêu cầu ly hôn với chị DTMH là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của anh TCD: Anh TCD được ly hôn với chị DTMH.

[5] Về con chung: Anh TCD và chị DTMH có 02 con chung là G, sinh ngày 05-12-2011 và H, sinh ngày 10-3-2015. Hiện tại, 02 cháu G và H do anh TCD đang trực tiếp nuôi dưỡng, chị DTMH không còn sinh sống tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, đi đâu, làm gì không rõ. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, anh TCD đề nghị Tòa án giao 02 con chung là G và H cho anh TCD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu G và H trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh TCD và chị DTMH tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này các bên có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung : Anh TCD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Anh TCD phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh TCD được ly hôn chị DTMH.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là G, sinh ngày 05-12-2011 và H, sinh ngày 10-3-2015 cho anh TCD trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh TCD và chị DTMH tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị DTMH có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh TCD cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị DTMH trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp chị DTMH lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh TCD có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị DTMH.

3. Về tài sản chung : Anh TCD không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh TCD phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009504, ngày 08-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh TCD đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường E, quận F, thành phố Hải Phòng (GCN kết hôn số 138/2011, ngày 29-12-2011);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Chung